

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: TIẾNG HÀN QUỐC

MÃ NGÀNH: 6220211

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 365/QĐ-CTHN-ĐT ngày 12 tháng 06 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội)*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CTHN-ĐT ngày tháng 04 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội)

Tên ngành: Tiếng Hàn Quốc

Mã ngành: 6220211

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương

Thời gian khóa học: 2 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

1.1. Giới thiệu chương trình/ mô tả ngành, nghề đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Tiếng Hàn Quốc trình độ cao đẳng là ngành, nghề mà người học được học tập, đào tạo thành thạo các kỹ năng: Nghe _ Nói _ Đọc _ Viết gắn với các lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp như trợ lý, hành chính-văn thư, biên dịch, học vụ tại các cơ sở đào tạo Tiếng Hàn Quốc đáp ứng được yêu cầu bậc 4 trong khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người hành nghề có thể đảm nhận nhiều nhiệm vụ khác nhau như tiếp nhận, sắp xếp, quản lý hồ sơ, công văn, lịch làm việc, soạn thảo và trả lời các email thương mại bằng tiếng Hàn Quốc, biên dịch tài liệu, hồ sơ, tổ chức và hỗ trợ thông dịch trực tiếp và gián tiếp trong các cuộc họp, hội thảo, sự kiện; sử dụng tiếng Hàn Quốc để giao tiếp, thuyết trình, thương lượng với khách hàng và giải quyết các tình huống phát sinh trong công việc.

Sau khi tốt nghiệp người học có thể làm việc tại các cơ sở đào tạo tiếng Hàn, các văn phòng công ty, cơ sở sản xuất có sử dụng tiếng Hàn Quốc.

Để có thể làm việc liên quan đến ngôn ngữ Hàn Quốc sau khi tốt nghiệp, người học cần có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp tốt, có đủ kiến thức và kỹ năng tiếng Hàn chuyên môn đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên tập luyện, nghiên cứu, sáng tạo để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, chi tiết, rõ ràng; xây dựng ý thức công việc và sự say mê nghề nghiệp.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

- Chương trình nhằm đào tạo cử nhân ngành Tiếng Hàn Quốc - trình độ Cao đẳng tiếng Hàn Quốc thành thạo các kỹ năng: Nghe - Nói - Đọc - Viết, có tinh thần trách

nhiệm cao về, có khả năng về chuyên môn và nghiệp vụ vững vàng, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong khung năng lực ngoại ngữ quốc gia Việt Nam để đảm nhận nhiệm vụ ở những môi trường có sử dụng tiếng Hàn Quốc, các cơ quan, ngành kinh tế quốc dân, các tổ chức trong và ngoài nước. Ngoài ra cần phải thường xuyên học tập, mở rộng kiến thức xã hội, tính cẩn thận, chi tiết, rõ ràng, xây dựng ý thức nghề và say mê nghề.

- Vận dụng được kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác- Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống và nghề nghiệp.
- Sau khi tốt nghiệp người học có đủ kiến thức, kỹ năng để học liên thông đại học.

2.2.Mục tiêu cụ thể:

2.2.1. Kiến thức

- Trình bày được các quy định cơ bản, cần thiết về tính đặc thù của ngành, nghề khi làm việc với đối tác là người nước ngoài, đảm bảo không gây phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia.
- Trình bày được chuẩn xác các nguyên tắc về chính tả, từ vựng, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ, văn bản tiếng Hàn Quốc.
- Tổng hợp được từ vựng, lối diễn đạt, cấu trúc ngữ pháp tiếng Hàn Quốc ở trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- Trình bày, vận dụng chuẩn xác được các kiến thức cơ bản về văn hóa Hàn Quốc.
- Trình bày, mô tả thuần thục những chủ đề đơn giản quen thuộc hàng ngày trong môi trường xung quanh và các vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu,
- Trình bày, vận dụng được thành thạo những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2.Kỹ năng:

- Đạt kỹ năng sử dụng Tiếng Hàn Quốc (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ chuẩn TOPIK 4/khung 6 bậc của tiếng Hàn Quốc tương đương chuẩn bậc 4 (KNLNN VN) để phục vụ mục đích nghề nghiệp, cụ thể:

+ **Kỹ năng nghe:** Nghe hiểu chuẩn xác các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại về các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc trong cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp. Nghe hiểu và mô tả được các chỉ thị hướng dẫn dài nhưng rõ ràng mạch lạc. Xác định được trạng thái, thái độ và tình cảm của người nói.

+ **Kỹ năng nói:** Giao tiếp thuần thục một cách hiệu quả trong hầu hết các tình huống xã hội hàng ngày và trong các tình huống công việc quen thuộc thường nhật (trực tiếp hoặc qua điện thoại). Tham gia các cuộc hội thoại một cách tự tin và trình bày một cách cụ thể và trù tượng về các chủ đề quen thuộc (10–15 phút).

+ **Kỹ năng đọc:** Đọc hiểu được chính xác lời nhắn, thư, lịch trình, hành trình được đánh máy hoặc viết tay rõ ràng. Lấy thông tin về các chủ điểm quen thuộc từ các bài đọc có bố cục rõ ràng, gần gũi với kiến thức nền và trải nghiệm bản thân. Đọc và hiểu các bài đọc mang tính hàn lâm dưới dạng các bài báo cáo, bài báo từ các báo,

tạp chí thường, tóm tắt các nội dung chính, hoàn thành được sơ đồ, biểu đồ có liên quan đến nội dung văn bản. Đọc được bao quát nội dung để lấy thông tin tổng quát hay các dữ liệu cụ thể mà người đọc quan tâm. Xác định được từ khoá để hiểu các thông tin chính, biết suy luận và dự đoán thông tin.

+ **Kỹ năng viết:** Viết được thành thạo các thể loại thư trong công việc thông thường hàng ngày (ví dụ thư đề nghị giải đáp, thư giải đáp, thư xác nhận ...) và các lời nhắn có tính chất riêng tư hoặc trang trọng. Viết được chuẩn xác các chỉ dẫn đơn giản, rõ ràng hoặc một bài viết tóm tắt các thông tin và mô tả các số liệu dưới dạng bảng biểu, sơ đồ khối, quy trình sản xuất một cách rõ ràng, trật tự; Viết được thuần thục các bài viết dưới dạng thảo luận, đưa ý kiến tán thành hay phản đối, nguyên nhân-kết quả với các bằng chứng ví dụ cụ thể về các chủ đề thường gặp trong cuộc sống như công nghệ, giáo dục, môi trường, cuộc sống đô thị.

- Giao tiếp thuần thục trong môi trường làm việc đa văn hoá, biết thuyết trình, biết chọn lựa và xử lý thông tin thích ứng với yêu cầu của công việc và của thị trường lao động;

- Học tập và tư duy khoa học được để tiếp tục tự bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao kiến thức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ và học lên trình độ cao hơn.

2.2.3.Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Nhận thức chính xác được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Hàn nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Hàn trong đời sống, học tập và nghề nghiệp.

- Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, cần cù, chịu khó và sáng tạo, ham học hỏi trong công việc.

- Làm việc khoa học, có tính tổ chức kỷ luật;

- Có tính chủ động, có khả năng giải quyết công việc và các vấn đề phức tạp trong điều kiện thay đổi.

Có khả năng đánh giá kết quả làm việc của cá nhân và của các thành viên trong nhóm.

- Chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước, không gây ảnh hưởng phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành cao đẳng Tiếng Hàn Quốc có thể làm việc tại các vị trí:

- Nhân viên phòng hợp tác quốc tế ở vị trí đối ngoại: trực tiếp trao đổi, giao tiếp với khách Hàn Quốc bằng tiếng Hàn phục vụ cho công việc.

- Nhân viên văn phòng: nhân viên hành chính; phiên dịch; nhân viên hành chính kiêm phiên dịch; nhà biên dịch...

- Lễ tân khách sạn hoặc công ty: đón tiếp khách Hàn Quốc, giao tiếp với khách bằng tiếng Hàn.

- Giáo viên tiếng Hàn tại các cơ sở giáo dục như các trường THCS, trường PTTH, trường Trung cấp, các trung tâm tiếng Hàn.
- Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên tại các công ty du lịch, cơ sở du lịch, dịch vụ nhà hàng, khách sạn có đối tượng khách hàng là người Hàn Quốc.
- Chuyên viên marketing, tổ chức sự kiện, giao dịch thương mại văn phòng cho các tổ chức doanh nghiệp có sử dụng tiếng Hàn.
- Làm việc cho các phòng, tổ chức nghiên cứu chuyên sâu về Hàn Quốc ở trong và ngoài nước.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2535 giờ / 94 tín chỉ
- Số lượng môn học, mô đun: 37
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435 giờ/ 19 tín chỉ
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 2100 giờ / 75 tín chỉ
- Khối lượng lý thuyết: 529 (giờ); thực hành, thực tập, thảo luận: 1918 giờ; kiểm tra 88 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

Tiếng Hàn Quốc là ngành học đào tạo chuyên sâu về ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc. Khi theo học ngành này sinh viên được đào tạo để sử dụng thành thạo 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Hàn và các kỹ năng, phương pháp giao tiếp làm việc bằng tiếng Hàn. Bên cạnh đó sinh viên còn được trang bị nhiều kiến thức về nhiều mặt khác nhau của Hàn Quốc như văn hóa, lịch sử, kinh tế, chính trị, con người...

Tiêu chuẩn kỹ năng nghề của ngành Tiếng Hàn Quốc có liên quan đến việc trực tiếp làm việc, trao đổi với người Hàn Quốc như: phiên dịch, biên dịch, nhân viên hành chính kiêm phiên dịch, đón tiếp khách Hàn Quốc hoặc giảng dạy tiếng Hàn tại các cơ sở giáo dục, hướng dẫn khách Hàn trong ngành phát triển du lịch, marketing, tổ chức sự kiện, giao dịch thương mại bằng tiếng Hàn...

Trong quá trình học tập, sinh viên ngành Tiếng Hàn Quốc còn được trang bị các kỹ năng mềm: kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, đàm phán, quản lý... Đặc biệt là các kỹ năng về phong cách, tác phong làm việc, ứng xử của người Hàn Quốc, các tình huống thường gặp trong môi trường làm việc của người Hàn Quốc.

Các vị trí làm việc của ngành Tiếng Hàn Quốc đòi hỏi người lao động phải có một số năng lực để đáp ứng được tiêu chuẩn về những công việc có liên quan.

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Năng lực tư duy lý luận, phản biện
2	NLCB-02	Năng lực nhận thức hành vi
3	NLCB-03	Năng lực hợp tác

4	NLCB-04	Năng lực giải quyết vấn đề
5	NLCB-05	Năng lực tìm kiếm, sưu tầm hệ thống hóa các văn bản quy phạm Pháp luật mà nhà nước đã ban hành.
6	NLCB-06	Năng lực tiếp cận văn bản quy phạm Pháp luật.
7	NLCB-07	Năng lực hiểu được quy định của pháp luật về các nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
8	NLCB-08	Năng lực hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật
9	NLCB-09	Năng lực trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.
10	NLCB-10	Năng lực thực hiện được vệ sinh chung và vệ sinh trong tập luyện thể thao.
11	NLCB-11	Năng lực nhận biết được vai trò của thể dục thể thao đối với cơ thể.
12	NLCB-12	Năng lực hợp tác, ứng xử phù hợp trong môi trường số.
13	NLCB-13	Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học.
14	NLCB-14	Năng lực sử dụng ngôn ngữ ở trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
15	NLCB-15	Năng lực xử lý các tình huống xảy ra ở những nơi ngôn ngữ đó được dùng.
16	NLCB-16	Năng lực hiểu và tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hóa.
II Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)		
1	NLCL-01	Năng lực hiểu biết những vấn đề cơ bản của Ngữ pháp
2	NLCL-02	Năng lực Nghe Tiếng Hàn
3	NLCL-03	Năng lực Nói Tiếng Hàn
4	NLCL-04	Năng lực Đọc Tiếng Hàn
5	NLCL-05	Năng lực Viết Tiếng Hàn
6	NLCL-06	Năng lực phát âm
7	NLCL-07	Năng lực hiểu biết văn hóa bản ngữ
III Năng lực nâng cao		
1	NLNC-01	Năng lực sử dụng tiếng Hàn chuyên ngành (thương mại, du lịch, văn phòng...)

2	NLNC-02	Năng lực chuyên sâu biên, phiên dịch và vận dụng kiến thức đó trong công tác biên, phiên dịch.
3	NLNC-03	Năng lực chuyên sâu Nghe hiểu
4	NLNC-03	
5	NLNC-03	Năng lực chuyên sâu Nói
6	NLNC-03	Năng lực chuyên sâu Đọc hiểu
7	NLNC-03	Năng lực chuyên sâu Viết

6. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm /thảo luận	Thi, Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
MH 01	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MĐ 02	Tin học	3	75	15	58	2
MH 03	Pháp luật	2	30	18	10	2
MĐ 04	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MĐ 05	Tiếng Anh cơ bản	4	120	42	72	6
MĐ 07	Giáo dục Quốc phòng và An Ninh	3	75	36	35	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	61	1500	360	1088	52
II.1	Môn học cơ sở	4	90	30	56	4
MĐ 08	Ngữ âm Tiếng Hàn Quốc	2	45	15	28	2
MĐ 09	Văn hóa Hàn Quốc	2	45	15	28	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	54	1350	300	1004	46
MĐ 10	Kỹ năng đọc Tiếng Hàn Quốc 1	2	45	15	28	2
MĐ 11	Kỹ năng đọc Tiếng Hàn Quốc 2	2	45	15	28	2
MĐ 12	Kỹ năng đọc Tiếng Hàn Quốc 3	3	75	15	58	2
MĐ 13	Kỹ năng đọc Tiếng Hàn Quốc 4	3	75	15	58	2
MĐ 14	Kỹ năng viết Tiếng Hàn Quốc 1	2	45	15	28	2

MĐ 15	Kỹ năng viết Tiếng Hàn Quốc 2	2	45	15	28	2
MĐ 16	Kỹ năng viết Tiếng Hàn Quốc 3	3	75	15	58	2
MĐ 17	Kỹ năng viết Tiếng Hàn Quốc 4	3	75	15	58	2
MĐ 18	Kỹ năng nghe Tiếng Hàn Quốc 1	2	45	15	28	2
MĐ 19	Kỹ năng nghe Tiếng Hàn Quốc 2	2	45	15	28	2
MĐ 20	Kỹ năng nghe Tiếng Hàn Quốc 3	3	75	15	58	2
MĐ 21	Kỹ năng nghe Tiếng Hàn Quốc 4	3	75	15	58	2
MĐ 22	Kỹ năng nói Tiếng Hàn Quốc 1	2	60	5	53	2
MĐ 23	Kỹ năng nói Tiếng Hàn Quốc 2	2	60	5	53	2
MĐ 24	Kỹ năng nói Tiếng Hàn Quốc 3	3	75	15	58	2
MĐ 25	Kỹ năng nói Tiếng Hàn Quốc 4	3	75	15	58	2
MĐ 26	Ngữ pháp Tiếng Hàn Quốc 1	2	45	15	28	2
MĐ 27	Ngữ pháp Tiếng Hàn Quốc 2	2	45	15	28	2
MĐ 28	Ngữ pháp Tiếng Hàn Quốc 3	2	45	15	28	2
MĐ 29	Ngữ pháp Tiếng Hàn Quốc 4	2	45	15	28	2
MĐ 30	Thực hành dịch Tiếng Hàn Quốc 1	3	90	10	77	3
MĐ 31	Thực hành dịch Tiếng Hàn Quốc 2	3	90	10	77	3
II.3	Môn học tự chọn	3	60	30	28	2
MĐ 32	Tiếng Hàn Quốc thương mại	3	60	30	28	2
MĐ 33	Tiếng Hàn Quốc du lịch	3	60	30	28	2
MĐ 34	Tiếng Hàn Quốc hành chính-văn phòng	3	60	30	28	2
III	Thực tập tốt nghiệp, Đồ án tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp/ Môn chuyên sâu	14	570	12	575	13
MĐ 35	Thực tập nghề nghiệp	4	180		175	5
MĐ 36	Thực tập tốt nghiệp	6	270		265	5
MĐ 37	Môn chuyên sâu(Nghe chuyên sâu, Đọc chuyên sâu, Viết chuyên sâu)/ Khóa luận tốt nghiệp	4	120	12	135	3
Tổng cộng		94	2505	529	1918	88

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Hướng dẫn các môn học chung:

Khối kiến thức các môn học chung gồm 19 tín chỉ bắt buộc được thực hiện theo Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH.

7.2. Hướng dẫn các môn học chuyên ngành:

Các môn học chuyên ngành trong Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng ngành Tiếng Hàn Quốc theo hình thức đào tạo chính quy được thiết kế theo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành Tiếng Hàn Quốc theo thông tư số 40/2018/TT-BLĐTBXH. Số lượng tín chỉ được phân bổ phù hợp với việc đổi mới phương pháp giảng dạy một cách linh hoạt theo hướng tích hợp, lấy người học làm trung tâm, phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo trong quá trình dạy và học.

Khối kiến thức các kỹ năng thực hành tiếng gồm 39 tín chỉ được tổ chức giảng dạy đều trong 3 kì đầu.

Khối kiến thức chuyên ngành và kiến thức về văn hoá Hàn Quốc gồm 11 tín chỉ, trong đó có 2 tín chỉ cho văn hoá Hàn Quốc, 6 tín chỉ cho môn thực hành dịch và 3 tín chỉ cho môn học, mô đun tự chọn được giảng dạy vào kì 4.

Thực tập và tốt nghiệp : có tổng số 14 tín chỉ, trong đó có 4 tín chỉ thực tập nghề nghiệp và 6 tín chỉ thực tập tốt nghiệp được thực hiện song song vào kì 5. Chương trình thực tập được Khoa ngôn ngữ Quốc tế - Trường Cao đẳng công nghệ và Thương mại Hà Nội thiết kế với nội dung thực tập bao gồm các hoạt động liên quan đến các lĩnh vực khác nhau liên quan đến chuyên ngành Tiếng Hàn Quốc tại các cơ sở thực tập, doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài. Người học phải hoàn thành xong 4 học kì của CTĐT và môn chuyên sâu (nếu không làm khoá luận) mới đủ điều kiện đăng ký Thực tập tốt nghiệp.

Hướng dẫn về triển khai khoá luận TN và thi môn chuyên sâu : ở mục 7.6.

7.3. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với những nội dung có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến;

Căn cứ theo yêu cầu của mục 7- Điều 3, Chương 2 của TT01/2024-BLĐTBXH quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, CTĐT trình độ Cao đẳng ngành Tiếng Hàn Quốc -hệ đào tạo chính quy cũng đã thiết kế linh hoạt ở từng môn học, mô đun để đảm bảo có thể tổ chức các lớp học trực tuyến trong trường hợp cần thiết.

- + Tổ chức đào tạo môn học, mô đun theo đúng tín chỉ trong chương trình đề cương chi tiết và theo đúng kế hoạch năm học đã đưa ra trước đó. Tổ chức đào tạo môn học, mô đun theo hình thức online (zoom, google meet...).
- + Tổ chức kiểm tra giữa kỳ trực tiếp hoặc theo hình thức online (Thi trắc nghiệm, tự luận thông qua các phần mềm google form, E-learning, study..., thi vấn đáp online qua zoom, google meet,...)
- + Tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo do tính chất của môn học đó qui định, tổ chức thi trực tiếp hoặc thi online (tùy thuộc vào tình hình thực tế), hình thức giống như kiểm tra giữa kỳ.
- + Cuối khóa học sinh viên phải thực hiện thi tốt nghiệp. Nội dung, khối lượng và hình thức thi tốt nghiệp như sau:

- Học và thi một số môn học, mô đun nâng cao hoặc chuyên sâu có khối lượng kiến thức, kỹ năng 04 tín chỉ.
- Làm luận văn tốt nghiệp có khối lượng kiến thức, kỹ năng tương đương 04 tín chỉ. Tùy theo điều kiện của từng khóa, từng lớp có thể chọn một trong hai phương án trên hoặc thực hiện cả hai phương án trong một kỳ tốt nghiệp.

7.4. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Trong thời gian học tập tại Nhà trường, sinh viên khối ngành ngôn ngữ nói chung và ngành Tiếng Hàn Quốc nói riêng sẽ được tham gia các hoạt động ngoại khóa khác nhau phù hợp với khối lượng kiến thức mà sinh viên đã tích lũy được sau mỗi học kì như : các cuộc thi Festival ngôn ngữ quốc tế, tham quan dã ngoại đến các điểm văn hoá, các hoạt động giao lưu doanh nghiệp, định hướng nghề nghiệp, v.v

7.5. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô đun

7.5.1. Kiểm tra

- + Kiểm tra thường xuyên :do giáo viên giảng dạy môn học, mô đun, thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học, thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác theo quy định của Nhà trường.

+ Kiểm tra định kỳ :được quy định trong chương trình môn học, mô đun, kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra vấn đáp, kiểm tra viết từ 45 tới 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác theo quy định của Nhà trường.

+ Quy trình kiểm tra, số lượng bài kiểm tra cho từng môn học, mô đun được thực hiện theo quy định của Nhà trường đảm bảo đúng theo Quy chế đào tạo đang áp dụng.

7.5.2. Thi hết môn học, mô đun

Thời gian tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo do tính chất của môn học đó qui định.

Sinh viên có đủ điều kiện được quy định trong “Quy chế đào tạo” của Nhà trường sẽ được tham dự thi kết thúc môn học. Có thể 3 loại sau đây:

- + Thi hoàn toàn bằng lý thuyết (ở các môn học về nhận thức tuy duy)
- + Thi, đánh giá hoàn toàn trên các nội dung kỹ năng (thực hành, thực tế)
- + Thi, đánh giá vừa lý luận và thực hành (với tỷ lệ thích hợp).

Nội dung thi kết thúc môn học: phải bao trùm toàn bộ kiến thức và kỹ năng của môn học đã được xác định trong chương trình đào tạo và chương trình môn học.

7.6. Hướng dẫn làm khoá luận tốt nghiệp hoặc môn học thay thế

Đối với làm Khoá luận tốt nghiệp (có khối lượng kiến thức và kỹ năng tương đương 4 tín chỉ) : người học phải hoàn thành 80% tổng số tín chỉ của CTĐT, có điểm trung bình toàn khóa học từ 7.5 trở lên, và có đề tài khoá luận tốt nghiệp liên quan đến các nội dung trong CTĐT và được khoa duyệt. Quy định chi tiết về làm KLTN sẽ được hướng dẫn cụ thể trong thông báo về Kế hoạch tốt nghiệp cho sinh viên hàng năm.

Trong trường hợp Môn chuyên sâu được chọn để học và thi TN thay cho làm KLTN, môn học này gồm 4 tín chỉ và được triển khai song song trong kì 4 trước khi sinh viên đi thực tập tốt nghiệp vào kì 5.

Tùy theo điều kiện của từng khóa, từng lớp có thể chọn một trong hai phương án trên hoặc thực hiện cả hai phương án trong một kỳ tốt nghiệp.

7.7. Các chú ý khác

Tùy theo điều kiện từng khóa đào tạo hoặc sự phát triển, nội dung đào tạo có thể được hiệu chỉnh, nhưng các hiệu chỉnh trong phạm vi không ảnh hưởng đến mục tiêu, chất lượng đào tạo.

KHOA NGÔN NGỮ QUỐC TẾ
TRƯỜNG KHOA

ThS. Trần Thị Thắng

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2025



TS. Đoàn Thị Thu Hương